

Bản án số: 124/2024/HSST

Ngày: 14 - 6 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thành Viên.
- Bà Trương Thị Hồng Phương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan – Thư ký
Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Minh C, sinh năm 1988, tại: Gia Lai; Địa chỉ thường trú: số 359 A, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Tiến C (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; Tiền sự: không; Tiền án: không (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị Ngọc A, sinh năm 1975, địa chỉ: Số 226/32 đường L, Phường H, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Anh: Ông Nguyễn Văn H – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Hưng và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Văn D, sinh năm 1990, địa chỉ: Số 97 Đường C, phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Cảnh C, sinh năm 1987, địa chỉ: Số 10 Đường H, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do đang gặp khó khăn về tài chính nên khoảng tháng 4/2023 bà Võ Thị Ngọc A đã nhiều lần liên hệ với Phạm Minh C là nhân viên ngân hàng SeAbank có trụ sở tại: 180 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để vay tiền nhằm đảo hạn ngân hàng. Từ tháng 4/2023 đến tháng 9/2023, bà Ngọc A đã vay của C tổng cộng 34 dây vay đứng với số tiền từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng đến 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng với lãi suất 0,6%/ngày tương đương 18%/tháng, 216%/năm bà Ngọc A trả cho C xong lại tiếp tục vay. Đến tháng 9/2023, bà Ngọc A vay đến dây thứ 34 với số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng mới trả tiền lãi được 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng thì hết khả năng chi trả nên bị C gây áp lực buộc phải trả cả số tiền gốc và lãi là 4.722.000.000 (bốn tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu) đồng. Do lo sợ và không còn khả năng chi trả nên đến ngày 17/01/2024, bà Ngọc A đã gửi đơn tố cáo C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tiếp nhận đơn Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển nguồn tin đến Công an quận Gò Vấp để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Minh C khai nhận là nhân viên ngân hàng SeAbank, trong thời gian làm việc, C quen biết bà Võ Thị Ngọc A là khách hàng thường xuyên đến giao dịch tại Ngân hàng SeAbank. Từ tháng 4/2023 đến tháng 10/2023, C và bà Ngọc A thỏa thuận miệng với nhau thống nhất C cho bà Ngọc A vay theo dây, lấy lãi đứng theo từng ngày là 0,6%/ngày (tương đương 18%/tháng, 216%/năm), được thể hiện đầy đủ trong các bản sao kê tài khoản Ngân hàng BIDV số: 16910000780639 và tài khoản Ngân hàng TPBank số 02330692801 tên Phạm Minh C được đối chiếu và ký xác nhận của C. Đồng thời C khai nhận tổng số tiền mà C đã cho vay lấy lãi đối với bà Ngọc A trong 34 dây vay (mỗi lần vay thấp nhất từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, cao nhất đến 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng; thời gian vay mỗi dây từ 02 ngày đến 17 ngày). Khi kết thúc một dây vay, bà Ngọc A sẽ chuyển tiền gốc và tiền lãi vào tài khoản Ngân hàng cho C. Sau đó bà Ngọc A có nhu cầu vay lại, thì C sử dụng số tiền này để xoay vòng cho vay chuyển vào tài khoản của bà Ngọc A. Tổng số tiền lãi mà bà Ngọc A đã đóng cho C từ 34 dây vay là 2.415.000.000 (hai tỷ bốn trăm mười lăm triệu) đồng, số tiền lãi mà C hưởng lợi trái phép so với lãi suất của Ngân hàng là 2.194.452.000 (hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn) đồng, số tiền C được hưởng theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước là 226.520.000 (Hai trăm hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi triệu) đồng. Số tiền thu lợi bất chính này C đã dùng để đóng tiền lãi suất Ngân hàng và đầu tư vào chứng khoán của C. Cụ thể hình thức cho vay 34 dây tiền được thực hiện như sau:

Dây đứng 1: Ngày 27/04/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng lãi đứng 0,6%/ngày.

Dây đứng 2: Ngày 28/04/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng lãi đứng 0,6%/ngày.

Dây đứng 3: ngày 4/5/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng lãi đứng 0,6%/ngày.

Cả 3 dây đứng trên bà Ngọc A đã nhận tiền từ tài khoản ngân hàng BIDV số: 16910000780639 tên Phạm Minh C chuyển vào tài khoản số: 060029402747 của Ngân hàng Sacombank tên Võ Thị Ngọc A. Đến ngày 05/5/2023, bà Ngọc A trả tiền gốc 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng và tiền lãi 54.600.000 (năm mươi bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng cho 03 dây đứng trên.

Dây đứng 4: Ngày 05/5/2023, bà Ngọc A tiếp tục vay của C số tiền 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày.

Dây đứng 5: Ngày 05/5/2023, bà Ngọc A tiếp tục vay của C số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày.

Dây vay thứ 4 và 5 là chuyển tiền chung nên bà Ngọc A chuyển trả 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng tiền gốc và trả tổng tiền lãi là 46.200.000 (bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn) đồng.

Dây đứng 6: Ngày 10/5/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày. Đến ngày 12/5/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng và 02 ngày tiền lãi là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng cho C.

Dây đứng 7: Ngày 15/5/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 19/5/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng và 05 ngày tiền lãi là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng cho C.

Dây đứng 8: Ngày 19/5/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 25/5/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng và 06 ngày tiền lãi là 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng cho C.

Dây đứng 9: Ngày 22/5/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày.

Dây thứ 8 và 9 là chuyển tiền chung nên bà Ngọc A chuyển trả 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng tiền gốc và trả tổng tiền lãi là 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng. Đến ngày 25/5/2023 bà Ngọc A trả tiền gốc là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng và 06 ngày tiền lãi của dây thứ 8 là 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng; 04 ngày tiền lãi là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng của dây thứ 9 cho C.

Dây đứng 10: Ngày 25/5/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày.

Dây đứng 11: Ngày 26/5/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày.

Dây thứ 10 và 11 là chuyển tiền chung nên ngày 31/5/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng và 06 ngày tiền lãi là 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng của dây thứ 10; 06 ngày tiền lãi là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng của dây thứ 11 cho C.

Dây đứng 12: Ngày 31/5/2023, C cho bà Ngọc A vay số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày. Đến ngày 06/6/2023, bà Ngọc A chuyển trả C trước 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng tiền lãi. Ngày 07/6/2023, bà Ngọc A tiếp tục chuyển trả tiền gốc 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng và 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi 07 ngày là 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng.

Dây đứng 13: Ngày 07/6/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày. Đến ngày 13/6/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng và 06 ngày tiền lãi là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng cho C.

Dây đứng 14: Ngày 13/6/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày. Đến ngày 19/6/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng và 06 ngày tiền lãi là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng cho C.

Dây đứng 15: Ngày 19/6/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 26/06/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng và 07 ngày tiền lãi là 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng cho C.

Dây đứng 16: Ngày 21/6/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng lãi đứng 0,6%/ngày. Đến ngày 23/06/2023, Ngọc A chuyển trả gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và 3 ngày lãi là 9.000.000 (chín triệu) đồng cho C.

Dây đứng 17: Ngày 28/6/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng lãi đứng 0,6%/ngày. Đến ngày 28/06/2023, Ngọc A chuyển trả gốc 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng và 3 ngày lãi là 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn) đồng cho C.

Dây đứng 18: Ngày 26/06/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 03/7/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng và 07 ngày tiền lãi là 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng cho C.

Dây đứng 19: Ngày 29/6/2023, bà Ngọc A vay của C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 01/7/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và 03 ngày tiền lãi là 9.000.000 (chín triệu) đồng cho C.

Dây đứng 20: Ngày 01/7/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 04/7/2023, bà Ngọc A trả tiền gốc và 03 ngày tiền lãi là 9.000.000 (chín triệu) đồng cho C.

Dây đứng 21: Ngày 03/7/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày.

Dây đứng 22: Ngày 07/7/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày.

Dây đứng 21 + 22: ngày 10/7/2023, bà Ngọc A trả tiền gốc 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và tiền lãi là 114.000.000 đồng của dây vay thứ 21; 03 ngày tiền lãi là 9.000.000 (chín triệu) đồng của dây thứ 21 cho C.

Dây đứng 23: Ngày 04/7/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 07/7/2023, bà Ngọc A chuyển trả 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng tiền gốc và 03 ngày tiền lãi là 9.000.000 (chín triệu) đồng của C.

Dây đứng 24: Ngày 10/7/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 18/7/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng và 08 ngày tiền lãi là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng cho C.

Dây đứng 25: Ngày 10/7/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 13/7/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và 03 ngày tiền lãi là 9.000.000 (chín triệu) đồng cho C.

Dây đứng 26: Ngày 13/7/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 19/7/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và 06 ngày tiền lãi là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng cho C.

Dây đứng 27: Ngày 18/7/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày.

Dây đứng 28: Ngày 19/7/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày.

Dây đứng 27 + 28: ngày 26/7/2023, bà Ngọc A trả tiền gốc 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và tiền lãi 141.000.000 (một trăm bốn mươi một triệu) đồng của dây vay thứ 27; 07 ngày tiền lãi là 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng của dây vay thứ 28 cho C.

Dây đứng 29: Ngày 26/7/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 02/8/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và 07 ngày tiền lãi là 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng cho C.

Dây đứng 30: Ngày 02/8/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 18/8/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và 16 ngày tiền lãi là 288.000.000 (hai trăm tám mươi tám triệu) đồng cho C.

Dây đứng 31: Ngày 18/8/2023, C cho bà Ngọc A vay số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 25/8/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng. Đến ngày 28/8/2023, bà Ngọc A trả 07 ngày tiền lãi là 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng cho C.

Dây đứng 32: Ngày 25/8/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 11/9/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và 17 ngày tiền lãi là 306.000.000 (ba trăm lẻ sáu triệu) đồng cho C.

Dây đứng 33: Ngày 11/9/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, đến ngày 18/9/2023, bà Ngọc A chuyển trả tiền gốc 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và 07 ngày tiền lãi là 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng cho C.

Dây đứng 34: Ngày 18/9/2023, bà Ngọc A vay C số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, lãi đứng 0,6%/ngày, vay trong thời gian 9 ngày. Tuy nhiên, đến ngày 11/10/2023, bà Ngọc A mới trả tiền lãi được 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và hết khả năng chi trả. Tính đến ngày 31/12/2023 là 104 ngày, bà Ngọc A phải trả số tiền lãi: 1.872.000.000 (một tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu) đồng cho C nhưng bà Ngọc A chỉ trả được 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng nên số tiền lãi còn lại là 1.722.000.000 (một tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu) đồng và tiền gốc 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng Ngọc A chưa trả được. Do nhiều lần C không đòi được số tiền gốc và tiền lãi do bà Ngọc A còn thiếu nên C đã liên hệ với Nguyễn Cảnh C (sinh năm: 1987, nơi thường trú: Số 98 đường Lê Văn Duyệt, khu phố 2, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) để C làm giấy mượn tiền của Chương với mục đích nhờ Chương đi đòi tiền cho C. C hứa hẹn sẽ cho Chương số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng nếu đòi được tiền từ bà Ngọc A thì Chương đồng ý nên C đã đưa thông tin, số điện thoại của bà Ngọc A và nạp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng vào số điện thoại của Chương đang sử dụng để Chương chủ động liên lạc và nhiều lần đòi tiền bà Ngọc A. Đến ngày 28/12/2023, C, Chương hẹn gặp bà Ngọc A tại quán Cà phê Cối Xưa, địa chỉ 55 đường Tân Canh, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để chốt số tiền bà Ngọc A nợ C là 4.722.000.000 (bốn tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu) đồng thì bị bà Ngọc A làm đơn tố cáo như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 tờ giấy mượn tiền lập ngày 11/03/2023 giữa Phạm Minh C và Võ Thị Ngọc A; 01 tờ giấy hợp đồng vay tiền lập ngày 11/09/2023 giữa Phạm Minh C, Nguyễn Cảnh C và Võ Thị Ngọc A; 01 hợp đồng vay tiền lập ngày 26/12/2023, không rõ bên cho vay, người vay tên Trần Văn D, 02 tờ giấy gia hạn thời gian thanh toán lập ngày 23/10/2023, giữa Võ Thị Ngọc A và Phạm Minh C; 01 hợp đồng lao động của Phạm Minh C với Ngân hàng SeAbank lập ngày 24/11/2023; 01 USB ghi lại nội dung ghi âm giữa Phạm Minh C và Võ Thị Ngọc A và các bản sao kê tài khoản Ngân hàng của Minh C và Ngọc A; 01 tập sao kê nội dung

thông qua ứng dụng zalo nhắn tin giữa bà Ngọc A và C; giữa C và Chương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại hiệu Samsung S23 Ultra, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Cảnh C, quá trình điều tra không xác định Chương có hành vi vi phạm pháp luật nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Chương.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax (đã qua sử dụng); 03 thẻ Ngân hàng; 01 hộ chiếu số: C0807634 đều mang tên Phạm Minh C và số tiền 45.100.000 (bốn mươi lăm triệu một trăm nghìn) đồng là tài sản cá nhân của C, không phải là công cụ phương tiện để hoạt động cho vay lãi nặng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã hoàn trả cho C là người sở hữu hợp pháp.

- 01 chiếc điện thoại Iphone X, màu trắng là công cụ phương tiện Phạm Minh C dùng để chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng, Cơ Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp tiến hành nhập kho vật chứng theo Phiếu nhập kho số 79/PNK ngày 10/4/2024.

Tại bản cáo trạng số 138/CT-VKS-GV ngày 16/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố Phạm Minh C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà Đại diện viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh C từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 3 năm đến 4 năm.

- Buộc Phạm Minh C nộp lại số tiền lãi thu từ bà Võ Thị Ngọc A là 2.216.506.000 (hai tỷ hai trăm mười sáu triệu năm trăm lẻ sáu nghìn) đồng; trong đó: Số tiền thu lãi hợp pháp là 220.548.000 (hai trăm hai mươi triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn) đồng để nộp thu sung công; Số tiền thu lãi trái phép là 2.194.452.000 (hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn) đồng để trả lại cho bà Ngọc A (người vay tiền).

- Đối với số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng là khoản tiền mà bị cáo cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định buộc bà Ngọc A nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

- 01 tờ giấy mượn tiền lập ngày 11/03/2023 giữa Phạm Minh C và Võ Thị Ngọc A; 01 tờ giấy hợp đồng vay tiền lập ngày 11/09/2023 giữa Phạm Minh C, Nguyễn Cảnh C và Võ Thị Ngọc A; 01 hợp đồng vay tiền lập ngày 26/12/2023, không rõ bên cho vay, người vay tên Trần Văn D, 02 tờ giấy gia hạn thời gian thanh toán lập ngày 23/10/2023, giữa Võ Thị Ngọc A và Phạm Minh C; 01 hợp đồng lao động của Phạm Minh C với Ngân hàng SeAbank lập ngày 24/11/2023; 01 USB ghi lại nội dung ghi âm giữa Phạm Minh C và Võ Thị Ngọc A và các

bản sao kê tài khoản Ngân hàng của Minh C và Ngọc A; 01 tập sao kê nội dung thông qua ứng dụng zalo nhắn tin giữa bà Ngọc A và C; giữa C và Chương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp chuyển kèm lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại hiệu Samsung S23 Ultra, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Cảnh C, quá trình điều tra không xác định Chương có hành vi vi phạm pháp luật trong vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Chương.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax (đã qua sử dụng); 03 thẻ Ngân hàng; 01 hộ chiếu số: C0807634 đều mang tên Phạm Minh C và số tiền 45.100.000 đồng là tài sản cá nhân của C, không phải là công cụ phương tiện để hoạt động cho vay lãi nặng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã hoàn trả cho C là người sở hữu hợp pháp nên không đề nghị xem xét lại.

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone X, màu trắng là công cụ phương tiện Phạm Minh C dùng để chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng, là phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Võ Thị Ngọc A trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố; Và đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bà Ngọc A số tiền thu lợi bất chính là 2.194.452.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì Phạm Minh C đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với tang vật đã được thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Bị cáo thông qua việc cho bà Võ Thị Ngọc A vay số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, với 0,6%/ngày (tương đương 219%/năm) cao hơn 10,8 lần so với mức cho phép không vượt quá 20%/ năm, quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Thu lợi bất chính là 2.194.452.000 (hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn) đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của bị cáo Phạm Minh C đã phạm vào tội “Cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tín dụng mà ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Với hành vi nêu trên, xét thấy cần phải có một mức án nghiêm khắc đối với bị cáo, để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét một số tình tiết: tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc thành phần lao động nghèo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên miễn phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng vụ án:

- Đối với số tiền 2.415.000.000 (hai tỷ bốn trăm mười lăm triệu) đồng là khoản tiền mà bị cáo thu lãi từ bà Võ Thị Ngọc A; trong đó: Số tiền thu lãi hợp pháp là 220.548.000 (hai trăm hai mươi triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn) đồng để nộp thu sung công quỹ Nhà nước; Số tiền thu lãi trái phép là 2.194.452.000 (hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn) đồng để trả lại cho bà Võ Thị Ngọc A.

- Đối với số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng là khoản tiền mà bị cáo cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định buộc bà Ngọc A nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

- 01 tờ giấy mượn tiền lập ngày 11/03/2023 giữa Phạm Minh C và Võ Thị Ngọc A; 01 tờ giấy hợp đồng vay tiền lập ngày 11/09/2023 giữa Phạm Minh C, Nguyễn Cảnh C và Võ Thị Ngọc A; 01 hợp đồng vay tiền lập ngày 26/12/2023, không rõ bên cho vay, người vay tên Trần Văn D, 02 tờ giấy gia hạn thời gian thanh toán lập ngày 23/10/2023, giữa Võ Thị Ngọc A và Phạm Minh C; 01 hợp đồng lao động của Phạm Minh C với Ngân hàng SeAbank lập ngày 24/11/2023; 01 USB ghi lại nội dung ghi âm giữa Phạm Minh C và Võ Thị Ngọc A và các bản sao kê tài khoản Ngân hàng của Minh C và Ngọc A; 01 tập sao kê nội dung thông qua ứng dụng zalo nhắn tin giữa bà Ngọc A và C; giữa C và Chương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp chuyển kèm lưu theo hồ sơ vụ án. Đây là vật chứng của vụ án nên Hội đồng xét xử tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại hiệu Samsung S23 Ultra, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Cảnh C, quá trình điều tra không xác định Chương có hành vi vi phạm pháp luật trong vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Chương.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax (đã qua sử dụng); 03 thẻ Ngân hàng; 01 hộ chiếu số: C0807634 đều mang tên Phạm Minh C và số tiền 45.100.000 (bốn mươi lăm triệu một trăm nghìn) đồng là tài sản cá nhân của C, không phải là công cụ phương tiện để hoạt động cho vay lãi nặng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã hoàn trả cho C là người sở hữu hợp pháp nên không xem xét lại.

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone X, màu trắng là công cụ phương tiện Phạm Minh C dùng để chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng, là phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Đối tượng Nguyễn Cảnh C được Phạm Minh C nhờ đi đòi nợ giúp và được C trả công 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng nếu đòi được nợ, Chương chỉ nhận tin điện thoại gặp nói chuyện đề nghị bà Ngọc A trả khoản tiền còn thiếu nợ của C. Chương không có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần gây ảnh hưởng gia đình người thân bạn bè của bà Ngọc A nên Cơ quan điều tra không xử lý với ông Nguyễn Cảnh C là đúng quy định.

[8] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Võ Thị Ngọc A là có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Minh C 01 năm 06 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Giao bị cáo Phạm Minh C cho Ủy ban nhân dân Phường 14, quận Gò Vấp giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể ra quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Buộc bị cáo Phạm Minh C phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS: Xét tính chất của vụ án cũng như hoàn cảnh của bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 106 BLTTHS và Điều 47 BLHS xử lý vật chứng:

01 tờ giấy mượn tiền lập ngày 11/03/2023 giữa Phạm Minh C và Võ Thị Ngọc A; 01 tờ giấy hợp đồng vay tiền lập ngày 11/09/2023 giữa Phạm Minh C, Nguyễn Cảnh C và Võ Thị Ngọc A; 01 hợp đồng vay tiền lập ngày 26/12/2023, không rõ bên cho vay, người vay tên Trần Văn D, 02 tờ giấy gia hạn thời gian thanh toán lập ngày 23/10/2023, giữa Võ Thị Ngọc A và Phạm Minh C; 01 hợp đồng lao động của Phạm Minh C với Ngân hàng SeAbank lập ngày 24/11/2023; 01 USB ghi lại nội dung ghi âm giữa Phạm Minh C và Võ Thị Ngọc A và các bản sao kê tài khoản Ngân hàng của Minh C và Ngọc A; 01 tập sao kê nội dung thông qua ứng dụng zalo nhắn tin giữa bà Ngọc A và C; giữa C và Chương tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

Áp dụng Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone X, màu trắng.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 79/PNK ngày 10/4/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp)

Buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi thu từ bà Võ Thị Ngọc A: Số tiền thu lãi hợp pháp là 220.548.000 (hai trăm hai mươi triệu năm trong bốn mươi tám nghìn) đồng để nộp thu sung công; Số tiền thu lãi trái phép là 2.194.452.000 (hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn) đồng để trả lại cho bà Võ Thị Ngọc A (người vay tiền).

Buộc bà Võ Thị Ngọc A nộp sung công số tiền là công cụ phương tiện phạm tội 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa

thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Thi hành án Q. Gò Vấp;
- Công an Q. Gò Vấp;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Loan